

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH OAI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17/12/2024

Về việc: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH OAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phạm Đồng Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Lê Quang Ngọc**

2. **Ông Lưu Bá Ngọc**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Lê Thị Thu Hà**- Cán bộ Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Oai: **Ông Nguyễn Thọ Thuận**- Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 253/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2024, giữa:

*** Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị L** - sinh năm 1977

ĐKKHKT và trú tại: Thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

*** Bị đơn:** **Anh Phạm Văn C** - sinh năm 1974

ĐKKHKT và trú tại: Thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Nguyễn Thị L tại Tòa án như sau:

+ Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T vào ngày 07/01/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Anh C hay đánh, chửi chị L, chị L đã phải thuê nhà ra ở riêng, sau đó vì thương con chị đã về chung sống nhưng anh C không thay đổi, do vậy chị không thể chung

sống với anh C. Chị đã ra thuê nhà ở riêng từ tháng 7/2024 đến nay. Nay chị không còn tình cảm với anh C nên chị xin được ly hôn với anh Phạm Văn C.

+ Về con chung: anh chị có 3 con chung là: Phạm Văn D, sinh ngày 10/11/2003; Phạm Thị D1, sinh ngày 22/11/2006; Phạm Thị N, sinh ngày 21/01/2013. Hiện nay cháu D đã trưởng thành và có gia đình riêng, còn hai cháu Phạm Thị D1 và Phạm Thị N đang ở cùng anh C. Sau ly hôn nếu anh C nhận nuôi con chị L đồng ý và đóng tiền học cho con, không đóng tiền cho anh C. Nếu anh C không nuôi con thì chị sẽ nuôi con và không yêu cầu anh C đóng góp tiền nuôi con chung.

+ Về tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Phạm Văn C đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa tham gia hòa giải, tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2024 anh có ý kiến:

Anh C, chị L trước khi kết hôn có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T ngày 07/01/2003. Quá trình chung sống thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn. Mỗi lần mâu thuẫn chị L lại bỏ nhà đi vài tháng sau đó lại về. Anh C xác định vợ chồng chung sống với nhau không có tình cảm, luôn xảy ra mâu thuẫn. Gần đây, tháng 4/2024 vợ chồng có xảy ra va chạm, anh C có đánh chị L nên chị L đã bỏ đi từ đó không về. Nay chị L xin ly hôn, anh C đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 10/11/2003; Phạm Thị D1, sinh ngày 22/11/2006; Phạm Thị N, sinh ngày 21/01/2013. Cháu D đã trưởng thành và có gia đình riêng. Hiện tại anh đang nuôi cháu D1 và cháu N. Sau ly hôn anh C nuôi con, việc đóng góp nuôi con là tùy chị L, anh không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, việc chị L có nợ ai riêng không thì anh không biết.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã gửi các Thông báo triệu tập anh C đến tham gia tố tụng tại Tòa án, tuy nhiên anh C không đến Tòa. Tại Biên bản ghi lời khai ngày 20/11/2024, anh C đã có ý kiến xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – Chị L vẫn giữ nguyên các yêu cầu ly hôn như đã trình bày, về con chung hai cháu là Phạm Văn D, sinh ngày 10/11/2003 đã trưởng thành và có gia đình riêng, cháu Phạm Thị D1, sinh ngày 22/11/2006 đã đủ 18 tuổi nên cháu ở với ai là tùy cháu. Chị L đồng ý để anh C trực tiếp nuôi dưỡng Cháu Phạm Thị N, về đóng góp nuôi con tôi sẽ có trách nhiệm đóng góp nuôi con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công nợ: Vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh C vắng mặt tại phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- Về Tố tụng: Việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu là đúng với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Phạm Văn C.

Về con: Anh chị có 03 con chung, cháu D đã trưởng thành và có gia đình riêng, cháu D1 đã trên 18 tuổi nên sau ly hôn ở với ai là tùy cháu. Giao cháu N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc đóng góp nuôi con đối với chị L đến khi có sự thay đổi khác. Chị Liên có quyền đi lại, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng.

Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn C có HKTT và ở tại: Thôn P, xã M, huyện T, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L là có căn cứ.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh C, triệu tập anh C đến Tòa án để tham gia tố tụng, anh C không đến Tòa. Tuy nhiên, tại Biên bản ghi lời khai của anh C anh C đã có ý kiến xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Văn C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, thành phố Hà Nội ngày 07/01/2003. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Chị L và anh C đều xác định vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Anh C, chị L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều đồng ý ly hôn.

Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh C đã kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của hai bên. Vì vậy, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh C phù hợp với Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh, chị có 03 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 10/11/2003; Phạm Thị D1, sinh ngày 22/11/2006; Phạm Thị N, sinh ngày 21/01/2013. Cháu D đã trưởng thành và có gia đình riêng, cháu D1 đã trên 18 tuổi nên sau ly hôn ở với ai là tùy cháu.

Tại phiên tòa, chị L đồng ý giao cháu Phạm Thị N cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Xét thấy ý kiến của chị L phù hợp với nguyện vọng của cháu N, phù hợp với ý kiến của anh C nên giao cháu Phạm Thị N cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Anh C không yêu cầu chị L đóng góp nuôi con nên cần ghi nhận sự tự nguyện của anh C và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị L có quyền đi lại, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và vay nợ chung: chị L, anh C khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Về các lễ trên!**

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các Điều 51; 56; điều 81, điều 82, điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Phạm Văn C
Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn C

2, Con chung: Anh chị có 03 con chung là Phạm Văn D, sinh ngày 10/11/2003; Phạm Thị D1, sinh ngày 22/11/2006; Phạm Thị N, sinh ngày 21/01/2013. Cháu D, cháu D1 đã trên 18 tuổi nên sau ly hôn ở với ai là tùy cháu. Giao cháu Phạm Thị N cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với chị L cho đến khi các đương sự có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Chị L có quyền đi lại, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3, Về tài sản chung, nhà ở chung: không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

6. Án phí, quyền kháng cáo: chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020958 ngày 21/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

Chị L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết .

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Oai;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện Thanh Oai
- Lưu Hs, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(Đã Ký)

Phạm Đồng Trung